

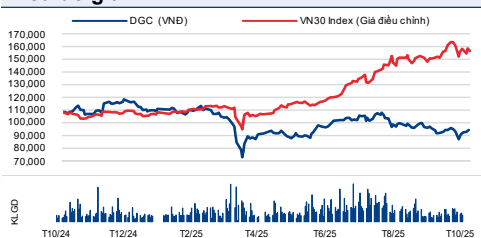
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ109,800
Tiềm năng tăng/giảm: 17.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	93,600
Mã Bloomberg	DGC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,100-119,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	93,725
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	35,547
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,350
Slg CP lưu hành (tr.đv)	380
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	186
Slg CP NN được mua (tr.đv)	140
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	12.2%
Tỷ lệ freefloat	60.9%
Cổ đông lớn	Đào Hữu Huyền (18.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	9,865	11,856	13,710
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,200	3,662	4,231
LNTT (tỷ đồng)	3,400	3,970	4,515
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,849	3,257	3,720
FCF (tỷ đồng)	2,597	3,027	2,330
EPS ĐC (đồng)	7,501	8,577	9,796
DPS (đồng)	3,000	3,000	3,000
BVPS (đồng)	35,173	41,222	47,449
T.trưởng EBITDA (%)	(0.43)	14.4	15.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	(3.98)	14.3	13.9
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	32.4	30.9	30.9
Tỷ suất LNTT (%)	34.5	33.5	32.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	30.3	28.8	28.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	38.1	33.4	29.3
Nợ thuần/VCSH (%)	6.15	1.33	1.36
ROAE (%)	23.8	23.5	23.1
ROACE (%)	21.9	21.9	21.2
EV/doanh thu (lần)	3.68	3.02	2.61
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.3	9.76	8.46
P/E ĐC (lần)	12.5	10.9	9.55
P/B (lần)	2.66	2.27	1.97
Lợi suất cổ tức (%)	3.21	3.21	3.21

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGC là doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hàng đầu sản phẩm có gốc photpho tại Việt Nam, bao gồm photpho vàng, axit photphoric, phân bón và phụ gia TACN. Công ty cũng đang mở rộng hoạt động của mình sang sản phẩm như xút, clo, etc bên cạnh các sản phẩm lâu đời của công ty như bột giặt.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2025: Lợi nhuận thuần tăng 7%; thấp hơn kỳ vọng 12%

- DGC công bố KQKD Q3/2025 kém tích cực, với lợi nhuận thuần đạt 752 tỷ đồng (tăng 7% so với cùng kỳ nhưng giảm 11% so với quý trước) trên doanh thu thuần sát với dự báo của HSC là 2.817 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước). Lợi nhuận thuần thấp hơn 12% so với kỳ vọng do chi phí đầu vào cao hơn dự kiến.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/2025 giảm xuống 31,1% từ mức 33,7%/33,9% lần lượt trong Q3/2024/Q2/2025, có lẽ là do giá quặng apatit đầu vào tăng cao. Chi phí bán hàng & quản lý thấp hơn và doanh thu HĐ tài chính cao hơn phần nào bù đắp cho phần sụt giảm của tỷ suất lợi nhuận.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần tăng 8% so với cùng kỳ đạt 2.403 tỷ đồng, đạt 70% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi. Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với DGC, với giá mục tiêu không đổi 109.800đ (tiềm năng tăng giá 17%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

DGC công bố KQKD Q3/2025 kém tích cực, với lợi nhuận thuần đạt 752 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ nhưng giảm 11% so với quý trước và thấp hơn 12% so với kỳ vọng của HSC. Chúng tôi cho rằng lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do giá quặng apatit đầu vào (công ty phải nhập khẩu một phần để đáp ứng nhu cầu) cao hơn dự kiến.

Giá bán bình quân thúc đẩy tăng trưởng doanh thu

Doanh thu Q3/2025 của DGC đạt 2.817 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với quý trước, đẩy doanh thu 9 tháng đầu năm 2025 lên 8.521 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ), hoàn thành 72% dự báo doanh thu cho năm 2025 của chúng tôi ở mức 11.856 tỷ đồng.

Nhu cầu trong Q3/2025 suy yếu, với sản lượng tiêu thụ **P4 (phốt pho vàng) và TPA (axit photphoric nhiệt)** giảm lần lượt 1%/6% so với cùng kỳ, xuống chỉ còn 13.255 tấn (tăng 8% so với quý trước) và 12.558 tấn (tăng 1% so với quý trước). Trong đó, giá bán bình quân P4 tăng mạnh 12% so với cùng kỳ (tăng 2% so với quý trước) lên 104,5 triệu đồng/tấn, phần nào do đồng USD tăng giá. Đồng thời, giá bán bình quân của TPA trong Q3/2025 tăng 8% so với cùng kỳ nhưng giảm 4% so với quý trước đạt 27 triệu đồng/tấn. Nhờ giá bán bình quân cải thiện, doanh thu P4/TPA đạt lần lượt 1.385 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ và tăng 10% so với quý trước) và 339 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ nhưng giảm 2% so với quý trước).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025 3Q25 results, DGC

Lợi nhuận thuần tăng 7%, thấp hơn dự báo của HSC 12% do tỷ suất lợi nhuận gộp giảm

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu	2,817	10.1%	-2.7%	8,521	14.4%
Lợi nhuận gộp	876	1.5%	-10.7%	2,837	8.6%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	31.1%	-1.6 ppts	-2.8 ppts	33.3%	-1.8 ppts
Chi phí BH&QL	144	-23.6%	11.6%	425	-15.7%
Chi phí BH&QL/doanh thu	5.1%	-2.3 ppts	+0.6 ppts	5.0%	-1.8 ppts
Lợi nhuận HĐ tài chính	173	35.0%	22.9%	464	9.2%
LNTT	901	12.7%	-8.6%	2,866	13.6%
LNST	804	9.0%	-9.7%	2,532	9.5%
Lợi nhuận thuần	752	6.5%	-10.8%	2,403	8.2%

Nguồn: DGC, HSC

Đối với mảng **phân bón**, sản lượng tiêu thụ DAP tăng vọt 54% so với cùng kỳ (tăng 61% so với quý trước) đạt 20.713 tấn trong khi sản lượng tiêu thụ MAP giảm mạnh 57% so với cùng kỳ (giảm 58% so với quý trước) xuống chỉ còn 9.333 tấn. Theo quan điểm của chúng tôi, công ty đã đủ linh hoạt để chuyển đổi sản lượng tiêu thụ giữa các phân khúc sản phẩm này, tùy thuộc vào giá bán bình quân và tỷ suất lợi nhuận, vì giá DAP trong Q3/2025 đi ngang so với quý trước ở mức 18,4 triệu đồng/tấn (tăng 26% so với cùng kỳ) trong khi giá MAP giảm 2% so với quý trước xuống 17,2 triệu đồng/tấn (tăng 26% so với cùng kỳ). Hơn nữa, tình trạng thiếu quặng apatit trong nước cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến sản lượng MAP trong Q3/2025 thấp hơn so với Q2/2025. Do đó, doanh thu phân bón đạt 654 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ nhưng giảm 19% so với quý trước.

Số liệu trong Bảng 2 cho thấy, P4/TPA/Phân bón đóng góp lần lượt 49%/12%/23% doanh thu của DGC trong Q3/2025, khá tương đồng với những gì chúng ta đã thấy trong Q3/2024. Nhưng so với quý trước, phân bón đóng góp 23% doanh thu (thấp hơn mức 30% trong Q2/2025), chủ yếu do sản lượng tiêu thụ phân khúc MAP suy yếu.

Xét theo thị trường, trong Q3/2025, doanh thu xuất khẩu tăng 5% so với cùng kỳ (tăng 8% so với quý trước) lên 1.986 tỷ đồng và đóng góp 71% doanh thu của DGC, chủ yếu từ P4 và TPA. Doanh thu trong nước tăng 23% so với cùng kỳ (nhưng giảm 21% so với quý trước) xuống 831 tỷ đồng, đóng góp 29% doanh thu của DGC, chủ yếu đến từ mảng phân bón.

Chi phí bán hàng & quản lý giảm và doanh thu HĐ tài chính tăng hỗ trợ lợi nhuận

Trong Q3/2025, lợi nhuận gộp đi ngang so với cùng kỳ ở mức 876 tỷ đồng, (nhưng giảm 11% so với quý trước), có lẽ do giá nguyên liệu đầu vào cao hơn dự kiến. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/2025 thu hẹp xuống chỉ còn 31,1% từ 33,7% và 33,9% lần lượt trong Q3/2024 và Q2/2025.

Chi phí bán hàng & quản lý giảm 24% so với cùng kỳ nhưng tăng 12% so với quý trước dừng lại ở mức 144 tỷ đồng, và tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu đạt 5,1% trong Q3/2025 so với 7,4% và 4,5% lần lượt trong Q3/2024/Q2/2025. Chúng tôi lưu ý rằng khi hoạt động xuất khẩu được đẩy mạnh thì chi phí bán hàng & quản lý tăng cao.

Doanh thu HĐ tài chính Q3/2025 tăng 35% so với cùng kỳ (tăng 23% so với quý trước) lên 173 tỷ đồng, nhờ lãi tỷ giá cao hơn (do đồng USD tăng giá) và lãi tiền gửi cao hơn nhờ gia tăng tiền gửi ngân hàng. Tính đến cuối tháng 9, DGC nắm giữ 13 nghìn tỷ đồng tiền mặt, tăng 15,3% so với cùng kỳ và tăng 7,6% so với quý trước. Lượng tiền mặt tương đương 36% vốn hóa thị trường của DGC.

Tính đến cuối Q3/2025, DGC đã đầu tư 1.083 tỷ đồng vào dự án Nghi Sơn, vẫn đang được triển khai đúng tiến độ để đẩy mạnh sản xuất trong Q1/2026.

Mục tiêu lợi nhuận Q4/2025

HĐQT của DGC đã ban hành nghị quyết về KHKD cho Q4/2025, đặt mục tiêu doanh thu 2.835 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với quý trước. Công ty đặt mục tiêu LNST 800 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với quý trước. HSC cho rằng mục tiêu này khá thận trọng.

Nếu DGC đạt được mục tiêu kinh doanh này, doanh thu/LNST năm 2025 sẽ đạt 11.356 tỷ đồng (tăng trưởng 15%) và 3.332 tỷ đồng (tăng trưởng 7%). Theo đó, công ty sẽ chỉ hoàn thành lần lượt 96%/93% dự báo doanh thu thuần/LNST cho năm 2025 của chúng tôi.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với DGC

Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với DGC, với giá mục tiêu không đổi 109.800đ (tiềm năng tăng giá 17%). DGC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,8 lần, khá hấp dẫn so với bình quân 3 năm ở mức 11 lần..

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo dòng sản phẩm, DGC

Cơ cấu doanh thu của các dòng sản phẩm nhìn chung ổn định so với cùng kỳ, nhưng doanh thu của mảng phân bón giảm so với quý trước

%	Q3/24	Q2/25	Q3/25
P4	48.8%	47.5%	49.2%
TPA	13.0%	13.0%	12.0%
Phân bón	23.6%	30.4%	23.2%
Sản phẩm khác	14.6%	9.1%	15.6%

Nguồn: DGC, HSC

Bảng 3: cơ cấu doanh thu theo thị trường, DGC

Cơ cấu doanh thu theo thị trường ổn định so với cùng kỳ, tuy nhiên doanh thu trong nước giảm so với quý trước

	Q3/24	Q2/25	Q3/25
Trong nước	26%	36%	29%
Xuất khẩu	74%	64%	71%

Nguồn: DGC, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	9,748	9,865	11,856	13,710	14,867
Lợi nhuận gộp	3,437	3,449	4,018	4,539	4,785
Chi phí BH&QL	(581)	(618)	(735)	(827)	(892)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	2,856	2,832	3,283	3,712	3,893
Lãi vay thuần	641	580	701	819	995
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	(1.38)	(11.6)	(13.9)	(16.1)	(17.4)
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	3,495	3,400	3,970	4,515	4,870
Chi phí thuế TNDN	(243)	(293)	(397)	(452)	(536)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(142)	(121)	(159)	(175)	(193)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	3,110	2,987	3,414	3,889	4,141
Lợi nhuận thuần ĐC	2,781	2,849	3,257	3,720	3,962
EBITDA ĐC	3,214	3,200	3,662	4,231	4,426
EPS (đồng)	8,190	7,864	8,990	10,239	10,905
EPS ĐC (đồng)	7,322	7,501	8,577	9,796	10,432
DPS (đồng)	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	380	380	380	380	380
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	380	380	380	380	380
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	380	380	380	380	380

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,061	116	733	672	1,372
Đầu tư ngắn hạn	9,342	10,570	12,570	14,570	17,570
Phải thu khách hàng	1,130	980	1,245	1,508	1,635
Hàng tồn kho	855	985	1,019	1,192	1,311
Các tài sản ngắn hạn khác	79.7	50.1	119	137	149
Tổng tài sản ngắn hạn	12,467	12,701	15,685	18,080	22,037
TSCĐ hữu hình	2,331	2,314	2,961	3,542	3,065
TSCĐ vô hình	352	343	334	325	317
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	420	431	417	428	440
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	31.2	32.5	34.1	35.8	37.6
Tổng tài sản dài hạn	3,134	3,121	3,746	4,332	3,859
Tổng cộng tài sản	15,601	15,821	19,432	22,411	25,896
Nợ ngắn hạn	1,328	865	941	917	1,008
Phải trả người bán	190	313	0	0	0
Nợ ngắn hạn khác	1,833	620	2,260	2,716	3,303
Tổng nợ ngắn hạn	3,493	2,053	3,201	3,633	4,312
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	70.0	66.6	73.3	80.6	88.7
Nợ dài hạn khác	0.27	0.28	0.29	0.30	0.31
Tổng nợ dài hạn	70.3	66.9	73.6	80.9	89.0
Tổng nợ phải trả	3,563	2,120	3,275	3,714	4,401
Vốn chủ sở hữu	11,707	13,358	15,655	18,020	20,625
Lợi ích cổ đông thiểu số	330	343	502	677	870
Tổng vốn chủ sở hữu	12,037	13,701	16,157	18,697	21,495
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,601	15,821	19,432	22,411	25,896
BVPS (đ)	30,826	35,173	41,222	47,449	54,308
Nợ thuần*/(tiền mặt)	267	749	208	245	(364)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	2,856	2,832	3,283	3,712	3,893
Khấu hao	(358)	(368)	(379)	(519)	(533)
Lãi vay thuần	641	580	701	819	995
Thuế TNDN đã nộp	(265)	(243)	(397)	(452)	(536)
Thay đổi vốn lưu động	(201)	112	793	(357)	(42.1)
Khác	14.1	28.9	(13.9)	(16.1)	(17.4)
LCT thuần từ HĐKD	2,794	3,119	4,067	3,430	3,855
Đầu tư TS dài hạn	(251)	(522)	(1,040)	(1,100)	(55.6)
Góp vốn & đầu tư	(9,182)	(9,166)	(1,346)	(1,228)	(2,051)
Thanh lý	7,094	8,535	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(2,338)	(1,152)	(2,386)	(2,328)	(2,107)
Cổ tức trả cho CSH	(1,774)	(2,445)	(1,139)	(1,139)	(1,139)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	853	(468)	75.9	(23.4)	91.1
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(920)	(2,912)	(1,063)	(1,163)	(1,048)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,535	1,061	116	733	672
LCT thuần trong kỳ	(465)	(945)	617	(60.8)	700
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.00	0.25	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,061	116	733	672	1,372
Dòng tiền tự do	2,543	2,597	3,027	2,330	3,799

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	35.3	35.0	33.9	33.1	32.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	33.0	32.4	30.9	30.9	29.8
Tỷ suất LNT (%)	31.9	30.3	28.8	28.4	27.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	6.96	8.61	10.00	10.00	11.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(32.5)	1.20	20.2	15.6	8.44
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(48.9)	(0.43)	14.4	15.5	4.61
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(48.8)	2.46	14.3	14.2	6.49
Tăng trưởng EPS (%)	(44.1)	(3.98)	14.3	13.9	6.50
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(48.8)	2.46	14.3	14.2	6.49
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	36.6	38.1	33.4	29.3	27.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	23.8	23.5	23.1	21.4
ROACE (%)	24.9	21.9	21.9	21.2	19.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.63	0.67	0.66	0.62
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.98	1.10	1.24	0.92	0.99
Số ngày tồn kho	49.4	56.0	47.4	47.4	47.5
Số ngày phải thu	65.3	55.7	58.0	60.0	59.2
Số ngày phải trả	11.0	17.8	0	0	0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	2.81	6.15	1.33	1.36	(1.76)
Nợ/tài sản (%)	8.91	5.92	4.84	4.09	3.89
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.43	0.29	0.26	0.22	0.23
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.57	6.19	4.90	4.98	5.11
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.67	3.68	3.02	2.61	2.37
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.1	11.3	9.76	8.46	7.95
P/E (lần)	11.4	11.9	10.4	9.14	8.58
P/E ĐC (lần)	12.8	12.5	10.9	9.55	8.97
P/B (lần)	3.04	2.66	2.27	1.97	1.72
Lợi suất cổ tức (%)	3.21	3.21	3.21	3.21	3.21

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

